

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2027-2029 lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Thực hiện Công văn số 4278/BGDDĐT-KHTC ngày 07/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đôn đốc báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2027-2029 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2027, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2027-2029 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1. Yêu cầu đối với đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 thuộc lĩnh vực giáo dục

- Năm 2026 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. Triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trong bối cảnh thuận lợi như tình hình chính trị - xã hội của nước ta ổn định, Hội nghị Trung ương 2 và cuộc bầu cử Quốc hội khoá XVI và Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030 thành công tốt đẹp tạo khí thế mới trong toàn xã hội; chính quyền địa phương 2 cấp vận hành ổn định, chủ động nhận diện rõ những khó khăn, vướng mắc, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp khắc phục; các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế được triển khai quyết liệt, tạo động lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số.

Cụ thể hoá nhiệm vụ, mục tiêu tăng trưởng hai con số, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2026 chi tiết theo từng quý, chủ động rà soát, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng ngay sau khi có kết quả tăng trưởng Quý I/2026; phân công các cơ quan chủ trì thực hiện, theo dõi, đánh giá từng chỉ tiêu kinh tế - xã hội; xác định các nhiệm vụ, chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể; phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của các cơ quan, đơn vị làm căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện. Chỉ đạo cụ thể hoá Kết luận số 18-KL/TW,

ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 12 Chỉ thị để tăng cường chỉ đạo các lĩnh vực trọng yếu. UBND tỉnh thành lập 11 Ban Chỉ đạo và 09 Tổ công tác do lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp đứng đầu chỉ đạo triển khai toàn diện các nhiệm vụ. Thành lập các Đoàn kiểm tra do Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì; Lãnh đạo UBND tỉnh làm việc trực tiếp với một số sở, ngành, chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án, Chủ tịch UBND các xã, phường nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác chỉ đạo điều hành; thường xuyên tổ chức kiểm tra các dự án trọng điểm, công tác giải phóng mặt bằng tại thực địa, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, khơi thông nguồn lực, khắc phục tình trạng chậm tiến độ, nguy cơ gây thất thoát, lãng phí.

Chỉ đạo phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hoá; tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện quyết liệt các giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, thương mại, du lịch; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước. Chỉ đạo quyết liệt công tác sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công; chuyển giao và đổi tên các Ban Quản lý dự án khu vực về UBND cấp xã quản lý. Tổ chức sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp. Chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách văn hóa - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân. Tổ chức đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 phục vụ Nhân dân và các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân năm 2026 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc chuẩn bị các điều kiện khởi công các trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại các xã biên giới đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm ước tăng 7,02% so với cùng kỳ, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,82%, công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, dịch vụ tăng 7,42%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,49%. Mặc dù đạt mức tăng khá so với cùng kỳ nhưng còn thấp so với mục tiêu tăng trưởng hai con số tính đề ra.

Thực hiện phân bổ vốn đầu tư công 2026 theo đúng quy định, tập trung bố trí cho thanh toán nợ, các dự án hoàn thành và chuyển tiếp. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của tỉnh Lạng Sơn là 2.711,275 tỷ đồng (chưa bao gồm chương trình MTQG), trong đó vốn ngân sách địa phương 1.731,9 tỷ đồng, vốn ngân sách trung ương (chưa bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia) 979,375 tỷ đồng; đã giao tổng số vốn đầu tư công năm 2026 đến nay 2.750,998 tỷ đồng, bằng 101,5% kế hoạch vốn Trung ương giao. Công tác chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện dự án được tập trung triển khai, các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công cụ thể theo từng mốc thời gian;

Sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển ổn định do thời tiết thuận lợi. Tổng diện tích gieo trồng quý II ước đạt 17.014 ha, tổng diện tích gieo trồng 6 tháng ước đạt 47.233 ha, đạt 98,4% kế hoạch, tăng 8,9% so với cùng kỳ.

Tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của tất cả các loại hình qua địa bàn tỉnh Lạng Sơn quý II/2026 đạt 26,41 tỷ USD ; tính riêng kim ngạch hàng hóa mở tờ khai tại Hải quan khu vực VI đạt 1,93 tỷ USD (trong đó xuất khẩu đạt 267 triệu USD, nhập khẩu đạt 1,66 tỷ USD). Lũy kế đến ngày 15/6/2026 đạt 52,71 tỷ USD, tăng 40% so với cùng kỳ (trong đó xuất khẩu đạt 16,63 tỷ USD tăng 39%, nhập khẩu đạt 36,07 tỷ USD tăng 41%); tính riêng kim ngạch hàng hóa mở tờ khai tại Chi cục Hải quan khu vực VI đạt 4,3 tỷ USD, đạt 63,7% kế hoạch, tăng 79% so với cùng kỳ (trong đó xuất khẩu 553 triệu USD, đạt 23,4% kế hoạch, giảm 4,0%; nhập khẩu 3,74 tỷ USD, đạt 85,4% kế hoạch, tăng 106%). Hàng địa phương xuất khẩu ước đạt 97 triệu USD, đạt 48,2% kế hoạch, tăng 31,08% so với cùng kỳ.

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động, giá cả các mặt hàng cơ bản ổn định, hàng hóa được cung ứng đầy đủ, nguồn hàng phong phú, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) tăng 3,95% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý II ước 11.245,8 tỷ đồng, đạt 23,26% kế hoạch, tăng 17,7% so với cùng kỳ, lũy kế 6 tháng đầu năm ước 22.663,4 tỷ đồng, đạt 46,9% kế hoạch, tăng 17,44%. Hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, an toàn; tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng đến 30/6/2026 ước đạt 61.331 tỷ đồng, tăng 11,67% so với cùng kỳ, tăng 6,0% so với cuối năm 2025; tổng dư nợ tín dụng ước đạt 56.179 tỷ đồng, tăng 17,20% so với cùng kỳ, tăng 6,0% so với cuối năm 2025. Hoạt động vận tải, kho bãi ổn định, thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa, doanh thu vận tải, kho bãi ước đạt 2.540,7 tỷ đồng, tăng 18,76% so với cùng kỳ; dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục được cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ; doanh thu bưu chính ước 120 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; doanh thu viễn thông 500 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

Công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai chủ động, chặt chẽ, bám sát chỉ đạo của cấp trên và yêu cầu thực tiễn. Thu ngân sách vượt tiến độ dự toán, các giải pháp quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ thuế được thực hiện quyết liệt; hoạt động xuất nhập khẩu, kinh tế cửa khẩu tiếp tục đóng góp tích cực cho tăng trưởng thu ngân sách; có 14/15 khoản thu nội địa đạt và vượt tiến độ dự toán giao, phản ánh tín hiệu tích cực của thị trường và cộng đồng doanh nghiệp; nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vượt dự toán cả năm, đóng góp quan trọng vào kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tổng thu ngân sách nhà nước quý II/2026 ước đạt 6.420 tỷ đồng, đạt 47,6% dự toán tỉnh giao, tăng 50,2% so với cùng kỳ ; tổng chi ngân sách địa phương đạt 4.165 tỷ đồng, đạt 26% dự toán, giảm 27% so với cùng kỳ ; lũy kế 6 tháng đầu năm tổng thu ngân sách nhà nước dự ước 13.684 tỷ đồng, đạt 102,3% dự toán Trung ương giao, đạt 101,6% dự toán tỉnh giao, tăng 86,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu nội địa 2.775 tỷ đồng, đạt 73,5% dự toán Trung ương giao, đạt 71,6% dự toán tỉnh giao, tăng 46,2% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 10.900 tỷ đồng, đạt 113,5% dự toán, tăng 100,9% so với cùng kỳ; các khoản huy động, đóng góp 9,0 tỷ đồng, bằng 57,9% so với cùng kỳ. Công tác điều hành chi ngân sách bảo đảm đúng dự toán, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, các nhiệm vụ phát sinh quan trọng và

yêu cầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tổng chi ngân sách địa phương 7.100,7 tỷ đồng, đạt 44,4% dự toán, giảm 18,8% so với cùng kỳ, trong đó: chi cân đối ngân sách địa phương 6.510,8 tỷ đồng, đạt 45,1% dự toán, giảm 7,1% ; chi các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác 589,9 tỷ đồng, đạt 37,3% dự toán, giảm 65,9%.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo năm 2026, kết quả 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm; phân tích những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm.

Trong 6 tháng đầu năm, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ đề ra, hoàn thành tổng kết năm học 2025-2026, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyên môn, đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chuẩn bị các điều kiện cho năm học 2026-2027. Công tác tham mưu được triển khai chủ động, kịp thời, bám sát chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm về cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy, phát triển đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều nội dung tham mưu đã được UBND tỉnh ban hành hoặc cho ý kiến chỉ đạo, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ của ngành trong năm 2026.

Các văn bản được ban hành bảo đảm đúng tiến độ, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm của ngành như hoàn thành năm học 2025-2026, tổ chức các kỳ thi, chuẩn bị năm học mới, chuyển đổi số, giáo dục STEM, trí tuệ nhân tạo, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục hòa nhập, đào tạo nghề và thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, người học.

Về khó khăn: Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đội ngũ công chức tham mưu lĩnh vực giáo dục tại một số xã, phường còn mỏng, nhiều trường hợp không được đào tạo chuyên ngành giáo dục nên còn gặp khó khăn trong công tác tham mưu, phối hợp và triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương. Công tác tổng hợp số liệu, thống kê, báo cáo của một số UBND cấp xã và cơ sở giáo dục còn chậm, số liệu chưa thực sự thống nhất, ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp, báo cáo của ngành; Sở Giáo dục và Đào tạo phải thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, rà soát để bảo đảm tính chính xác của số liệu.

- Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo gắn với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững giai đoạn 2026-2030.

Giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục ở các cấp học tiếp tục được duy trì và phát huy¹. Hoàn thành chương trình năm học

¹ Các cuộc thi cấp quốc gia: Có 28 học sinh đạt giải Quốc gia các môn văn hóa; 02 nhóm học sinh đạt giải Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia; Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 THPT cấp tỉnh năm học 2025-2026 có 46 giải Nhất, 271 giải Nhì, 344 giải Ba và 492 giải Khuyến khích. Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 có 907 giải/1.552

2025 - 2026 đúng thời gian, tiến độ chung của cả nước; chuẩn bị và tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 và tuyển sinh năm học 2026 - 2027. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia đạt kết quả tích cực, đã công nhận 08 trường học đạt chuẩn quốc gia, toàn tỉnh có 327 trường học đạt chuẩn, chiếm 51,5% tổng số trường. Công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 đối với 65 xã, phường². Tập trung đầu tư xây dựng các Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại các xã biên giới, đã tổ chức khởi công 07 trường, lũy kế đã có 11/11 trường nội trú liên cấp được khởi công đầu tư xây dựng. Ban hành, triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” và Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045; triển khai Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chú trọng, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo của tỉnh; các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

- Đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 248/2025/QH15 và các chương trình, đề án, chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo.

Tỉnh ủy Lạng Sơn quán triệt, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71-NQ/TW); chỉ đạo xây dựng kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Ngày 11/12/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ban hành Kế hoạch hành động số 09-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 23-KH/ĐU ngày 05/02/2026 về việc triển khai Kế hoạch số 09-KH/TU, ngày 11/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh. Ban hành Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08/3/2026 về thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 11/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Về công tác quán triệt thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nhiệm vụ cụ thể, hoàn thành công tác quán triệt các Nghị quyết trong Quý IV năm 2025. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 26/02/2026 về đẩy mạnh công tác truyền thông thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về

thí sinh dự thi (37 giải Nhất, 206 giải Nhì, 272 giải Ba, 392 giải Khuyến khích); lớp 11 cấp tỉnh có 1.208 giải/2.069 thí sinh dự thi (gồm 42 giải Nhất, 277 giải Nhì, 375 giải Ba, 514 giải Khuyến khích).

² Phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ mức độ 2

đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. UBND các xã, phường ban hành kế hoạch cấp xã về công tác truyền thông về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã ban hành Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 238-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. UBND tỉnh tiếp tục ban hành nhiều văn bản triển khai đẩy mạnh chuyển đổi số, khai thác công nghệ số trong giáo dục³.

2. Đánh giá tóm tắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực giáo dục của địa phương

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026 thuộc lĩnh vực giáo dục.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2025 - 2026	Thực hiện 2025 - 2026	Kết quả
1	Tổng số HS				
-	Nhà trẻ	Trẻ	11.152	12.095	đạt
-	Mẫu giáo	HS	38.507	33.761	Chưa đạt
-	Tiểu học	HS	64.438	63.655	Chưa đạt
-	Trung học cơ sở (THCS)	HS	33.532	33.898	đạt
-	Trung học phổ thông (THPT)	HS	24.037	23.494	đạt
2	Tỷ lệ huy động				
-	Trẻ dưới 3 tuổi	%	99,9	100	đạt
-	Mẫu giáo từ 3 - 5 tuổi	%	97,3	96,7	đạt
-	Tiểu học (đúng độ tuổi)	%	99,62	99,46	Chưa đạt
-	THCS (đúng độ tuổi)	%	99,42	99,45	đạt
3	Phổ cập giáo dục				
-	Phổ cập mẫu giáo 5 tuổi	xã	65	65	đạt
+	Tỷ lệ xã, phường thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi	%	100	100	đạt

³ UBND tỉnh tiếp tục triển khai Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 29/12/2024 về việc Hoàn thiện và khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh liên thông phục vụ chuyển đổi số và triển khai nền tảng giáo dục quốc gia ứng dụng trí tuệ nhân tạo; Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 22/9/2025 về việc Đẩy mạnh giáo dục STEM - Robotics và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 24/9/2025 về việc Phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, lĩnh vực giáo dục...

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2025 - 2026	Thực hiện 2025 - 2026	Kết quả
-	Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS	xã	65	65	đạt
+	Tỷ lệ xã, phường thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS	%	100	100	đạt
4	Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia (theo năm kế hoạch)	Trường	17	17	đạt
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	65	đạt

Thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực giáo dục và đào tạo đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu thực hiện uỷ quyền cho cấp xã thực hiện một số nội dung thuộc nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, UBND đã uỷ quyền cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý tổ chức, bộ máy và viên chức các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý. Do đó, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND cấp xã đã chủ động trong công tác quản lý, sử dụng viên chức sự nghiệp giáo dục, kịp thời điều tiết, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục.

3. Đánh giá tình hình thực hiện và ước thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2026

3.1. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm

- Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo được giao tại các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền⁴: Ngành Giáo dục và Đào tạo tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm do UBND tỉnh giao; các nhiệm vụ được tổ chức thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tiến độ, chất lượng, trong đó nhiều nhiệm vụ đã hoàn thành hoặc đạt kết quả tích cực, tạo cơ sở thực hiện các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặc thù của địa phương: Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh giao 05 nhiệm vụ trọng tâm, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động xây dựng kế hoạch,

⁴ Nghị quyết số 25/2026/QH16 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH năm 2026; Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch PTKTXH và dự toán NSNN năm 2026;...

phân công trách nhiệm cụ thể và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện. Kết quả cụ thể như sau:

Nhiệm vụ 1: *Hoàn thành xây dựng công trình Trường phổ thông liên cấp tiểu học và trung học cơ sở Khuất Xá, xã Khuất Xá và Trường phổ thông liên cấp tiểu học và trung học cơ sở Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn.*

Thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới, Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ và Phương án số 66/PA-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, 04 trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học (TH) và trung học cơ sở (THCS) được thành lập tại các xã Kiên Mộc, Khuất Xá, Mẫu Sơn và Quốc Khánh trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục hiện có.

Việc triển khai hai dự án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao điều kiện học tập, sinh hoạt cho học sinh vùng biên giới, góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, đã hoàn thành phương án tuyển sinh đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.

Nhiệm vụ 2: *Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định định mức bình quân học sinh/lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 Quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Nhiệm vụ 3: *Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, tỉnh Lạng Sơn*

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10/3/2026 về việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Kế hoạch đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện nhằm huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Nhiệm vụ 4: *Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch củng cố, phát triển hệ thống trường Phổ thông Dân tộc nội trú giai đoạn 2026 - 2030*

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động triển khai tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh về quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ cán bộ quản lý,

giáo viên, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở kết quả rà soát, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng dự thảo Kế hoạch; xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Hiện nay, Sở đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo Kế hoạch để trình UBND tỉnh xem xét, ban hành theo thời gian quy định.

Nhiệm vụ 5: Công nhận mới 16 trường học đạt chuẩn quốc gia

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh⁵, làm cơ sở để các địa phương và cơ sở giáo dục tổ chức triển khai thực hiện theo lộ trình, mục tiêu đề ra.

Trong năm 2025, công nhận mới 17 trường (vượt chỉ tiêu được giao 01 trường), với **319/635** trường đạt chuẩn quốc gia (đạt tỷ lệ 50,02%). Trong đó có 112 trường mầm non, 93 trường tiểu học, 101 trường trung học cơ sở và 13 trường trung học phổ thông. Trong quý I năm 2026 đã công nhận mới thêm **03** trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh tính đến thời điểm hiện tại là **322** trường.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) và xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia: Trong năm 2026 đã ban hành Quyết định công nhận đạt KĐCLGD và Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia cho **15** cơ sở giáo dục (05 trường Mầm non, 03 trường Tiểu học, 03 Trường TH&THCS và 04 trường Trung học cơ sở). Trong đó có: **14 trường** được công nhận đạt chuẩn Mức độ 1 và **01 trường** được công nhận đạt chuẩn Mức độ 2 (Trường Mầm non Chi Lăng, xã Chi Lăng), công nhận mới 03 trường.

Hạn chế, khó khăn: Một số đơn vị đã đăng ký đạt KĐCLGD và đạt chuẩn quốc gia trong Kế hoạch KĐCLGD và đạt chuẩn quốc gia năm 2026 nhưng chưa hoàn thành, chủ yếu là do chưa đảm bảo về cơ sở vật chất và liên quan đến nội dung rà soát sắp xếp các cơ sở giáo dục.

- Đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 248/2025/QH15 và các chương trình, đề án, chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo:

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Đến hết Quý II năm 2026, 100% đơn vị trực thuộc đã ban hành kế hoạch triển khai; 100% cơ sở giáo dục thành lập Tổ công tác Chuyển đổi số và STEM. Công tác chuyển đổi số trong quản lý và dạy học tiếp tục được đẩy mạnh; giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai ngày càng hiệu quả trong các cơ sở giáo dục.

⁵ Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 30/12/2025 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2026.

Phong trào nghiên cứu khoa học, sáng tạo và khởi nghiệp tiếp tục phát triển với nhiều kết quả tích cực. Cuộc thi Robot cấp tỉnh thu hút 123 đơn vị, 408 học sinh tham gia; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh có 170 dự án vào vòng chung khảo, 169 dự án đạt giải; toàn ngành có 3.764 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở và 328 dự án, ý tưởng khởi nghiệp được tuyển chọn cấp tỉnh. Hạ tầng chuyển đổi số tiếp tục được đầu tư; 631 cơ sở giáo dục sử dụng phần mềm quản lý nhà trường (300 đơn vị sử dụng VNEDU, 331 đơn vị sử dụng SMAS); trên 98% hồ sơ học sinh và 97% hồ sơ cán bộ, giáo viên đã được chuẩn hóa, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thời gian thực hiện báo cáo, thống kê.

Đến thời điểm hiện tại, trên 98% hồ sơ học sinh và 97% hồ sơ cán bộ, giáo viên đã được chuẩn hóa, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; góp phần giảm thời gian tổng hợp, báo cáo và nâng cao hiệu quả quản lý ngành. Kết quả bước đầu đã góp phần nâng cao năng lực số của đội ngũ nhà giáo, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản trị nhà trường và từng bước hình thành môi trường giáo dục số trong các cơ sở giáo dục.

Khó khăn: Bên cạnh kết quả đạt được, hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và nguồn nhân lực chuyển đổi số tại một số đơn vị vẫn còn hạn chế; việc triển khai học bạ số, hồ sơ điện tử và ứng dụng AI ở một số cơ sở giáo dục chưa đồng đều, cần tiếp tục được quan tâm đầu tư và triển khai hiệu quả trong thời gian tới. Việc triển khai chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành giáo dục còn gặp nhiều khó khăn về nguồn lực. Kinh phí bố trí cho chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu triển khai trên phạm vi toàn ngành với quy mô hơn 600 cơ sở giáo dục, trên 22.000 cán bộ, giáo viên và gần 124.000 học sinh; nguồn lực hiện chủ yếu đáp ứng các phần mềm dùng chung và một số mô hình điểm, chưa bảo đảm yêu cầu đầu tư đồng bộ, duy tu, nâng cấp hạ tầng số, trang thiết bị và triển khai diện rộng các nền tảng số trong quản lý, dạy học.

Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, ngành Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu, triển khai thực hiện các kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tổ chức quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm của ngành phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Việc triển khai Nghị quyết bước đầu đạt kết quả tích cực. Quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được củng cố; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đạt 98,5%, huy động trẻ 5 đến 6 tuổi ra lớp đạt 100%; 100% đơn vị cấp xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được giữ vững; công tác phát triển đội ngũ nhà giáo, tăng cường cơ sở vật chất, chuyển đổi số, giáo dục STEM, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hướng nghiệp và phân luồng học sinh được quan tâm triển khai, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết.

Giáo dục STEM/STEAM tiếp tục được mở rộng tại các cơ sở giáo dục; 100% trường trung học phổ thông, khoảng 40% trường trung học cơ sở thành lập

Câu lạc bộ STEM/Robotics; 213 trường mầm non triển khai giáo dục STEAM phù hợp với điều kiện thực tế.

Các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 71-NQ/TW đã và đang được lồng ghép, triển khai đồng bộ thông qua các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành, tạo chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục và chuẩn bị các điều kiện thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 (theo Quyết định số 2358/QĐ-BGDDT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới quản trị nhà trường.

Tỉnh đã quán triệt, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; ban hành Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 23-KH/ĐU ngày 05/02/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08/3/2026 và Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

Việc triển khai thi hành Luật Nhà giáo, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và các quy định về quản lý giáo dục theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh bước đầu đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống quản lý giáo dục được phân định rõ hơn giữa cấp tỉnh và cấp xã, tăng tính chủ động của chính quyền cơ sở, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác quản lý đội ngũ nhà giáo, sắp xếp mạng lưới trường lớp được tích cực triển khai; cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, bảo đảm hoạt động giáo dục ổn định, thông suốt.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

Sở Giáo dục và Đào tạo tập trung triển khai Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10/3/2026 về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; 65/65 xã phường đã ban hành kế hoạch thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương. Thực hiện rà soát đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP, UBND tỉnh phê duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách tại 65/65 xã, phường⁶. Triển khai rà soát, thu thập thông tin và đăng ký thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới tại 15 cơ sở giáo dục mầm non (13 công lập, 02

⁶ Cụ thể UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng theo các chính sách: Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3-4 tuổi và 4-5 tuổi: **10.055 trẻ**; hỗ trợ chi phí học tập: **4.637 trẻ**; hỗ trợ đối tượng thực hiện nhiệm vụ phổ cập: **3.268 đối tượng**. Hiện tại Sở Tài chính đang đôn đốc các xã, phường tổng hợp dự toán để tham mưu cho UBND tỉnh cấp kinh phí để chi trả.

tư thực) thuộc 04 phường và 08 xã⁷. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 - 5 tuổi ra lớp đạt 98,5%; huy động 100% số trẻ từ 5 đến 6 tuổi ra lớp; 100% số đơn vị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi.

Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân trong lĩnh vực giáo dục mầm non là: Hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chưa được tập huấn, hướng dẫn Chương trình thí điểm, đồng thời, chưa có tài liệu hướng dẫn cho đội ngũ và học liệu cho trẻ thực hiện Chương trình. Một số đơn vị ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn có nhiều điểm trường lẻ, lớp ghép 3-4 độ tuổi nên khó khăn trong triển khai thực hiện. Tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP hướng dẫn một số chế độ chính sách chưa rõ các đối tượng thụ hưởng nên trong quá trình triển khai thực hiện còn khó khăn, lúng túng. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục quan tâm tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới chương trình GDMN do các cấp tổ chức; tổ chức các lớp hội thảo, hội nghị, tham quan học tập kinh nghiệm nâng cao năng lực cho đội ngũ. Tiếp tục chỉ đạo rà soát thực hiện sáp nhập các điểm trường không đủ điều kiện về diện tích và cơ sở vật chất,... thực hiện tách lớp mầm non ra khỏi phổ thông. Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Chất lượng giáo dục phổ thông được duy trì; công tác chuyển đổi số và đổi mới quản trị giáo dục được chú trọng. 100% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên hoàn thành công tác tự đánh giá theo đúng các văn bản hướng dẫn. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục của đơn vị cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

- Chuẩn bị chu đáo các điều kiện và tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, nghiêm túc, khách quan. Phân tích, đánh giá và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông để phục vụ công tác quản lý chuyên môn, ban hành chính sách dạy và học cấp trung học phổ thông ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức kỳ thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn⁸. Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Kỳ thi, phân công nhiệm vụ thành viên ban chỉ đạo; triển khai kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên và các đơn vị. Công tác chuẩn bị thi và coi thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 trên địa bàn tỉnh được triển khai nghiêm túc, đúng kế hoạch, đúng Quy chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thực hiện chủ động, sát thực tiễn, thống nhất từ Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Hội đồng thi đến các Điểm thi; phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, bảo đảm kỷ luật, kỷ

⁷ Kế hoạch số 2653/KH-SGDĐT ngày 17/6/2026 của Sở GDĐT về việc triển khai thí điểm CTGD mầm non mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm học 2026 -2027.

⁸ Công văn số 499-CV/TU ngày 27/5/2026 về tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức Kỳ thi; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 29/5/2026 về tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

cương trong tổ chức thực hiện. Công tác chuẩn bị về cơ sở vật chất, nhân lực, chuyên môn nghiệp vụ và các điều kiện bảo đảm an toàn được thực hiện chặt chẽ. Các Điểm thi đã rà soát, chuẩn bị phòng thi, phòng dự phòng, phòng bảo quản đề thi, bài thi, hồ sơ, biểu mẫu, thiết bị, camera giám sát, điện, nước, y tế, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc và phương án xử lý tình huống phát sinh. Lực lượng làm thi được bố trí đủ số lượng, đúng thành phần; được tập huấn, quán triệt Quy chế thi, nghiệp vụ coi thi, trách nhiệm cá nhân và yêu cầu phòng ngừa gian lận, nhất là gian lận sử dụng thiết bị công nghệ cao. Công tác coi thi được tổ chức đúng lịch, đúng Quy chế, đúng quy trình nghiệp vụ. Các Điểm thi thực hiện nghiêm việc mở đề, phát đề, tính giờ làm bài, thu bài, kiểm đếm, niêm phong bài thi, lập biên bản và cập nhật số liệu báo cáo. Các buổi thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng Quy chế, không phát sinh tình huống phức tạp. Trường hợp thí sinh vi phạm Quy chế thi đã được cán bộ coi thi phát hiện, lập biên bản và xử lý theo đúng quy định⁹. Công tác phối hợp với các sở, ngành, lực lượng chức năng, chính quyền địa phương, các Đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp và lực lượng xã hội được triển khai trách nhiệm, hiệu quả. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn đề thi, bài thi, hồ sơ thi được bảo đảm; trật tự trường thi, y tế, điện, nước, thông tin liên lạc... ổn định; công tác hỗ trợ thí sinh được quan tâm, thiết thực, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự thi, nhất là thí sinh ở xa Điểm thi, thí sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT năm 2026 của tỉnh đạt 98,86%.

- Bảo đảm công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người học: UBND tỉnh đã ban hành văn bản triển khai thực hiện các dự án xây dựng trường học cho các xã biên giới theo Thông báo kết luận số 81-TB/TW¹⁰, trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo và Công an tỉnh làm chủ đầu tư triển khai thực hiện 04 dự án trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới. Ngay khi ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp¹¹, UBND tỉnh đã chỉ đạo Chủ đầu tư khẩn trương phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định, phê duyệt các thủ tục đầu tư dự án và đủ điều kiện khởi công xây dựng ngày 9/11/2025¹², phấn đấu hoàn thành trong tháng 8/2026 để đưa vào sử dụng năm học 2026-2027.

Khó khăn, hạn chế: Các trường phổ thông nội trú liên cấp được đầu tư xây dựng tại các xã biên giới, do hệ thống hạ tầng tại khu vực biên giới còn thiếu đồng bộ, địa hình phức tạp, thời tiết bất lợi nên có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Việc triển khai thực hiện đồng loạt 11 dự án trường PTNT liên cấp tại các xã biên giới với quy mô lớn, yêu cầu tiến độ gấp đã dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân công xây dựng tại địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công các công trình.

3.3. Đánh giá kết quả phát triển nguồn nhân lực

⁹ Ca thi thứ nhất buổi sáng ngày 12/6/2026 tại Điểm thi Trường THPT Trảng Định có 01 thí sinh vi phạm Quy chế thi do sử dụng điện thoại di động; cán bộ coi thi đã phát hiện, lập biên bản và đề nghị Trường Điểm thi xử lý theo hình thức đình chỉ thi.

¹⁰ Văn bản số 2460/UBND-KTCN ngày 02/11/2025 của UBND tỉnh.

¹¹ Tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND, ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh.

¹² Gồm trường phổ thông nội trú liên cấp Kiên Mộc, Khuất Xá, Quốc Khánh, Mẫu Sơn.

Giáo dục STEM/STEAM tiếp tục được mở rộng tại các cơ sở giáo dục; 100% trường trung học phổ thông, khoảng 40% trường trung học cơ sở thành lập Câu lạc bộ STEM/Robotics; 213 trường mầm non triển khai giáo dục STEAM phù hợp với điều kiện thực tế.

3.4. Đánh giá công tác chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện; xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức tổ chức, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục tham gia thí điểm.

Trên cơ sở các văn bản của Sở, 100% cơ sở giáo dục tham gia thí điểm đã xây dựng kế hoạch triển khai tại đơn vị; thành lập tổ cốt cán, phân công cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách; rà soát điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng cấp học. Các nhà trường chủ động lựa chọn hình thức tổ chức như tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề, hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ STEM - Robotics - AI và học tập theo dự án nhằm bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với đối tượng học sinh và cấp học của đơn vị.

3.5. Đánh giá kết quả thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được quan tâm triển khai, huy động hiệu quả các nguồn lực từ xã hội để hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Tổng kinh phí huy động đạt trên 1,62 tỷ đồng, trong đó nguồn xã hội hóa đạt khoảng 984 triệu đồng, cuộc vận động “Hũ gạo tình thương” đạt gần 637 triệu đồng. Ngoài ra, các đơn vị còn huy động được 3.394 kg gạo, 5.663 ngày công lao động để tu sửa, xây dựng cơ sở vật chất; giáo viên tham gia 3.715 tiết dạy không hưởng thù lao.

Công tác hỗ trợ giáo viên và học sinh được triển khai hiệu quả. Tổng kinh phí hỗ trợ học sinh đạt trên 973 triệu đồng; 6.709 học sinh được hỗ trợ trong học tập, rèn luyện, trong đó 4.354 học sinh được hỗ trợ bằng hiện vật. Đối với đội ngũ giáo viên, có 1.291 lượt được hỗ trợ về chuyên môn; gần 65 triệu đồng được hỗ trợ trực tiếp cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Một số đơn vị tiêu biểu trong công tác huy động nguồn lực như: phường Lương Văn Tri, Trường PTDTNT Lộc Bình, phường Tam Thanh, xã Tri Lễ và Trường PTDTNT tỉnh.

Nhìn chung, công tác xã hội hóa giáo dục được triển khai cơ bản đạt hiệu quả tích cực; sự phối hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội được tăng cường, góp phần cải thiện điều kiện dạy học và kịp thời động viên giáo viên, học sinh, đặc biệt tại các vùng khó khăn.

3.6. Đánh giá công tác sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục và sử dụng nguồn lực

Công tác sắp xếp, bố trí, điều động đội ngũ được thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.¹³ Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ quản lý được triển khai đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình. Kết quả: bổ nhiệm lại 02 trường hợp; điều động, bổ nhiệm 04 trường hợp; bổ nhiệm mới 04 trường hợp. Công tác tinh giản biên chế tiếp tục được triển khai theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ được giao¹⁴ và ban hành các kế hoạch, hướng dẫn về công tác tổ chức cán bộ¹⁵. Thực hiện Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ Tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; hiện nay, UBND tỉnh đang giao các cơ quan chuyên môn rà soát, xây dựng Phương án sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh và hoàn thành việc sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trước ngày 30/8/2026.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ được quan tâm thông qua việc ban hành các kế hoạch, hướng dẫn về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; góp phần nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Tổ chức quán triệt, thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về chế độ chính sách tiền lương, phụ cấp đối với giáo viên, CBQL và nhân viên ngành Giáo dục¹⁶, Ban hành văn bản hướng dẫn về chế độ giảm định mức tiết dạy cho giáo viên mầm non và phổ thông khi kiêm nhiệm công tác công đoàn. Chú trọng, tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chế độ, chính sách thông qua các hình thức: trao đổi, giải đáp trong Hội nghị, lớp bồi dưỡng, tập huấn, qua zalo, qua trực tiếp trao đổi trong các đoàn công tác tại địa phương, qua văn bản phúc đáp và phối hợp ban hành văn bản hướng dẫn. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện chế độ làm việc của giáo viên các cấp theo văn bản quy định hiện hành, đảm bảo đúng

¹³ Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện chuyển 04 viên chức đến UBND các xã, phường theo nguyện vọng cá nhân; điều động 12 viên chức liên xã, phường theo đề nghị của địa phương; điều động 01 công chức giữa các phòng cơ quan Sở; thực hiện biệt phái 01 viên chức về công tác tại cơ quan Sở.

¹⁴ Báo cáo số 865/BC-SGDĐT ngày 18/3/2026 về tình hình ký kết hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo số 161/BC-UBND ngày 30/3/2026 về việc thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

¹⁵ Công văn số 609/SGDĐT-TCCB ngày 13/02/2026 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 04/2026/TT-BGDĐT về chế độ làm việc đối với giáo viên cơ sở GDTX; Công văn số 1002/SGDĐT-TCCB ngày 19/3/2026 về việc triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của nhà giáo theo Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT; Hướng dẫn số 502/SGDĐT-TCCB ngày 06/02/2026 về thẩm quyền công nhận và bộ phận tham mưu báo cáo kết quả bầu Ban Thanh tra nhân dân trong các cơ sở giáo dục công lập.

¹⁶ Cụ thể: Kịp thời tổ chức truyền thông, phổ biến Nghị định số 182/2026/NĐ-CP Quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý CSGD và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các CSGD công lập; Nghị định số 93/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo; tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về Luật Viên chức năm 2025 nhằm giúp đội ngũ cán bộ, giáo viên nắm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

chế độ chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp, tạo động lực và điều kiện nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên các cấp.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, để đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026, đồng thời phù hợp với quy định về kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026, gắn với Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028, Kế hoạch tài chính 05 năm 2026-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của tỉnh; bảo đảm sự thống nhất trong điều hành ngân sách, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026 và từng cấp ngân sách theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026.

Định mức chi sự nghiệp giáo dục cho các Trường THPT, Trường PTDTNT, Trung tâm Hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh, TTGDNN - GDTX, đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa là 84%; chi khác tối thiểu là 16%. Đối với Trường PTDTNT và Trường THPT chuyên Chu Văn An được đảm bảo thêm nhiệm vụ đặc thù theo quy định¹⁷.

- Định mức đảm bảo đủ lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương được xác định như sau: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở: đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương tối đa 86%, chi khác tối thiểu 14%.

Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí cho Phòng Văn hóa Xã hội cấp xã từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn, mức phân bổ 45 triệu đồng/trường/đơn vị cấp xã/năm.

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chế độ phụ cấp cho Giám đốc, Phó giám đốc TTHTCĐ cấp xã theo Quyết định của UBND tỉnh. Đồng thời, hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã:

+ Xã thuộc khu vực I: 70 triệu đồng/ đơn vị cấp xã/năm.

+ Xã thuộc khu vực II, III: 80 triệu đồng/ đơn vị cấp xã/năm.

Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục tại cấp tỉnh, cấp xã nêu trên, ngân sách dành ra khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác của ngành giáo dục. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho từng đơn vị. Các nội dung không trong định mức phân bổ,

¹⁷ Trường PTDTNT được phân bổ thêm theo số học sinh để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Cụ thể định mức: 4 triệu đồng/học sinh/năm. Đối với chế độ chi học bổng học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ CSGD được đảm bảo theo quy định của Nhà nước.

Trường THPT chuyên Chu Văn An: được phân bổ thêm 5 triệu đồng/học sinh/năm (đối với học sinh chuyên theo chỉ tiêu hàng năm được giao) để đảm bảo chi bồi dưỡng đội tuyển, bồi dưỡng và khen thưởng học sinh giỏi, chi tham quan, học tập và nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

thực hiện giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền như: chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ kinh phí miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách khác theo quy định hiện hành¹⁸.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng về Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021-2025 đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo; các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035 (giai đoạn 1 2026-2030).

- Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

- Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026.

- Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

- Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo của địa phương năm 2026; điều kiện thực tế và khả năng nguồn lực của địa phương để thực hiện.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp năm 2027

Năm 2026 là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp, cũng là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030, bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026. Với tinh thần không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, phát huy ý trí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt để tăng trưởng cả nước năm 2026 đạt hai con số và hoàn thành các mục tiêu đề ra, tạo đà thực hiện thắng lợi Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2026 - 2030; Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2026 - 2030 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch PTKTXH 5 năm 2026 - 2030 thuộc lĩnh vực giáo dục; Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết khác của Đảng về GDĐT, ngành Giáo dục tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng kế hoạch PTKTXH, dự toán NSNN năm 2026 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028.

¹⁸ Tổng kinh phí phân bổ vốn sự nghiệp cho Sở GDĐT năm 2025-2026: 1.969.911.134.000 đồng (Năm 2025: 1.010.167.134.000 đồng; Năm 2026: 959.744.000.000 đồng).

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện, đột phá phát triển GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; tập trung đầu tư thỏa đáng để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, chip và chất bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đổi mới sáng tạo khởi nghiệp; đổi mới công tác quản lý GDĐT và quản trị nhà trường theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học; hoàn thiện hệ thống giáo dục theo định hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi công dân và thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và CBQL cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và miền núi; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện tối thiểu và hiện đại hóa, nâng cao chất lượng GDĐT, trong đó tập trung đầu tư hiện đại hóa giáo dục đại học, góp phần thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số;... Phát triển GDNN và đặc biệt là kỹ năng nghề; đẩy nhanh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo. Triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh việc thu hút sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực GDNN.

3. Yêu cầu đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, giai đoạn 2027 - 2030 thuộc lĩnh vực giáo dục

Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2027 và giai đoạn 2027-2030 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, khách quan tình hình thực hiện năm 2026; phân tích, dự báo sát bối cảnh và điều kiện thực tiễn của địa phương; bảo đảm tính kế thừa, phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế; bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án phát triển giáo dục và đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các chương trình, dự án ưu tiên phù hợp với khả năng cân đối và huy động nguồn lực của địa phương; các mục tiêu, chỉ tiêu phải bảo đảm tính khả thi, có thể đo lường, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện. Kế hoạch cần tập trung nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và học tập suốt đời; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2027-2029

1. Đánh giá việc thực hiện dự toán NSNN năm 2026

1.1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2026 lĩnh vực giáo dục

Căn cứ các văn bản của Trung ương, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026

- Tổng kinh phí phân bổ vốn sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2025-2026: 10.257.299 triệu đồng (Năm 2025: 4.428.080 triệu đồng (trong đó cấp tỉnh 1.263.335 triệu đồng, cấp huyện 3.164.745 triệu đồng); Năm 2026: 5.829.219 triệu đồng (trong đó cấp tỉnh 1.158.273 triệu đồng, cấp xã 4.670.946 triệu đồng).

- Tỷ trọng chi ngân sách chi GDĐT trên tổng chi ngân sách của địa phương ước khoảng (số thực hiện các năm 2025: 24,25%, 2026: 24,5%).

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách đối với người học, nhà giáo và cơ sở giáo dục

Công tác triển khai, thực hiện các chế độ chính sách: chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định.¹⁹

Năm 2025-2026 tỉnh ưu tiên bố trí đảm bảo các chế độ đối với học sinh, giáo viên. Tỉnh dành trên 300 tỷ đồng để thực hiện mua sắm thiết bị dạy học, cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết bị theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trên 746 tỷ đồng thực hiện các chế độ, chính sách²⁰. Đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người học theo quy định hiện hành. Việc thực hiện các chế độ về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm, chế độ nghỉ phép, cũng như các chính sách hỗ trợ đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình và thời gian quy định. Công tác rà soát, lập danh sách, thẩm

¹⁹ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN; thực hiện chế độ tài chính đối với học sinh DTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT; chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh sinh viên DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ; chính sách dành cho người học theo chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh sinh viên DTTS; và các chính sách đặc thù liên quan đến người học khác thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương.... Trong đó, mức học bổng chính sách học sinh DTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT; mức học bổng học sinh chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với SV sư phạm được địa phương quan tâm bố trí đảm bảo định mức theo quy định...

²⁰ Nghị định 238/2025/NĐ-CP là 360.380 triệu đồng; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP là 339.213 triệu đồng; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP (Hỗ trợ ăn trưa trẻ mẫu giáo) là 24.788 triệu đồng; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (Trẻ em, HSSV dân tộc thiểu số rất ít người) là 30 triệu đồng; Nghị định số 141/2020/NĐ-CP (Chế độ cử tuyển) là 977 triệu đồng; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC (Người khuyết tật) là 12.763 triệu đồng; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg (Chính sách nội trú học sinh, sinh viên trường nghề) là 7.996 triệu đồng.

định hồ sơ và chi trả các chế độ được thực hiện nghiêm túc, góp phần bảo đảm quyền lợi của cán bộ, giáo viên và học sinh, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng dạy và học. Sở giáo dục và Đào tạo đã tham mưu cho UBND tỉnh cấp bổ sung đầy đủ kinh phí triển khai Nghị định 339/2025/NĐ-CP về chính sách hỗ trợ các trường khu vực biên giới; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ ăn trưa và chi phí học tập cho 10.055 trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phổ cập cho 3.268 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo Nghị định 277/2025/NĐ của Chính phủ. Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP được triển khai đồng bộ, kịp thời trên địa bàn toàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh tiếp nhận và phân bổ gạo hỗ trợ học sinh bán trú năm học 2025-2026 trên địa bàn toàn tỉnh; tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí chi trả hỗ trợ giáo viên và trẻ em theo Nghị quyết 22/2025/NQ-HĐND tỉnh, ... Các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên tại các cơ sở giáo dục cũng được quan tâm kịp thời. Triển khai Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các cơ sở giáo dục công lập, Sở Giáo dục và Đào tạo đang triển khai rà soát, tổng hợp và tham mưu kịp thời cấp bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo,....

Khó khăn, hạn chế, vướng mắc: Đầu năm 2026, đa số các chế độ, chính sách mới đang là năm đầu triển khai của giai đoạn mới; một số văn bản hướng dẫn triển khai chế độ, chính sách còn có bất cập, chưa phù hợp trong thực tiễn, chưa được hướng dẫn kịp thời dẫn đến việc cập nhật và áp dụng ở cơ sở có thời điểm còn lúng túng, gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời. Đội ngũ cán bộ, công chức làm chính sách ở cơ sở vẫn đang trong quá trình chuẩn hóa, bước đầu đáp ứng được công việc nhưng còn có những hạn chế, cần tiếp tục được bồi dưỡng, sắp xếp cho hợp lý. Công tác lập hồ sơ của một số đối tượng thụ hưởng cần bổ sung, hoàn thiện nên ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết chế độ. Nguồn kinh phí thực hiện một số chính sách còn phụ thuộc vào tiến độ phân bổ của cấp trên, làm ảnh hưởng đến thời gian chi trả đối với một số trường hợp. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, hướng dẫn về một số chính sách mới cần tiếp tục được tăng cường để bảo đảm việc triển khai đồng bộ, hiệu quả.

1.3. Đánh giá chỉ đầu tư lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Thực hiện Thông báo số 81-TB/TW, ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 298/NQ-CP, ngày 26/9/2025 của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các xã biên giới tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh.

Đối với 04 trường khởi công giai đoạn 1 (gồm trường phổ thông nội trú liên cấp Kiên Mộc, Khuất Xá, Mẫu Sơn và Quốc Khánh), UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các trường nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới tỉnh Lạng Sơn; ban hành Công văn số 2460/UBND-KTCN ngày

02/11/2025 về việc triển khai thực hiện các dự án xây dựng trường học cho các xã biên giới theo Thông báo số 81-TB/TW, giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh làm chủ đầu tư. Các chủ đầu tư đã thực hiện các thủ tục đầu tư dự án và khởi công công trình theo quy định (công trình khởi công tháng 11/2025 và dự kiến hoàn thành tháng 8/2026).

Tổng nhu cầu vốn để thực hiện 04 dự án trường phổ thông nội trú liên cấp khởi công năm 2025 là 1.368,762 tỷ đồng.

- Số vốn được duyệt 1.368,762 tỷ đồng.
- Số vốn đã cấp: 1.348,281 tỷ đồng.
- Số vốn đã giải ngân: 695,162 tỷ đồng.

Khó khăn vướng mắc:

- Các trường phổ thông nội trú liên cấp được đầu tư xây dựng tại các xã biên giới do đó hệ thống hạ tầng tại khu vực biên giới còn thiếu đồng bộ, địa hình phức tạp, thời tiết bất lợi cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Ngoài ra việc quy hoạch đầu tư xây dựng các trường tại các xã biên giới còn gặp khó khăn. Thủ tục về quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng; quy hoạch về vị trí khai thác đất, vị trí đổ thải đất, đá, vật liệu xây dựng trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện do tính cấp bách của các công trình cần thực hiện nhanh, thời gian hoàn thành ngắn theo chỉ đạo nên rất khó khăn cho các chủ đầu tư tổ chức thực hiện.

- Về nguồn lực nhân công: Việc triển khai thực hiện đồng loạt 04 dự án trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới với quy mô lớn, yêu cầu tiến độ gấp đã dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân công xây dựng tại địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công các công trình.

- Về đơn giá nhân công, vật liệu xây dựng: do nhu cầu lao động tăng cao trong cùng thời điểm làm cho đơn giá nhân công thực tế trên thị trường biến động tăng mạnh so với mặt bằng giá được công bố. Trong khi đó, đơn giá nhân công xây dựng do Nhà nước ban hành chưa kịp thời cập nhật theo diễn biến thực tế tại khu vực miền núi, biên giới, dẫn đến chênh lệch lớn giữa chi phí thực tế và chi phí trong dự toán, gây khó khăn cho các nhà thầu trong việc huy động nhân lực, tổ chức thi công và bảo đảm tiến độ thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, giá vật liệu xây dựng, nhiên liệu, nhân công và chi phí vận chuyển có nhiều biến động do ảnh hưởng của tình hình xung đột, chiến sự tại một số khu vực trên thế giới trong đầu năm 2026, làm gia tăng chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến nguồn cung vật tư, đồng thời tác động đến tiến độ thi công và triển khai thực hiện các dự án.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2027 và Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2027-2029

2.1. Dự toán NSNN năm 2027

2.1.1. Xây dựng dự toán thu

- Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027; Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Công văn số 8449/BTC-NSNN ngày 19/6/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

- Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch phát triển Giáo dục đào tạo của địa phương năm 2026; điều kiện thực tế và khả năng nguồn lực của địa phương để thực hiện.

- Xây dựng dự toán thu học phí xác định căn cứ theo quy mô và mức học phí quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Ngày 09/7/2026, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2026-2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, theo đó mức thu học phí năm học 2026-2027 đối với các cấp học như sau: Mầm non: 322.000đ/hs/tháng; Tiểu học: 322.000đồng/hs/tháng; Trung học sơ sở, THPT: 386.000đ/hs/tháng, thời gian thực hiện không quá 9 tháng. Với mức học phí như trên dự kiến NSNN sẽ hỗ trợ chi trả cho người học ước khoảng 686 tỷ đồng.

2.1.2. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2027

a) Chi thường xuyên:

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, để đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026, đồng thời phù hợp với quy định về kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 sang năm 2026, gắn với Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028, Kế hoạch tài chính 05 năm 2026 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh; bảo đảm sự thống nhất trong điều hành ngân sách, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026 và từng cấp ngân sách theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025, theo đó tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

- Định mức chi sự nghiệp giáo dục cho các Trường trung học phổ thông, Trường phổ thông Dân tộc nội trú, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (Sau viết tắt là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo), đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa là 84%; chi khác tối thiểu là 16%. Đối với Trường phổ thông Dân tộc nội trú và Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An được đảm bảo thêm nhiệm vụ sau:

+ Trường phổ thông Dân tộc nội trú được phân bổ thêm theo số học sinh

để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Cụ thể định mức: 4 triệu đồng/học sinh/năm. Đối với chế độ chi học bổng học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ cơ sở giáo dục được đảm bảo theo quy định của Nhà nước.

+ Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An: được phân bổ thêm 5 triệu đồng/học sinh/năm (đối với học sinh chuyên theo chỉ tiêu hàng năm được giao) để đảm bảo chi bồi dưỡng đội tuyển, bồi dưỡng và khen thưởng học sinh giỏi, chi tham quan, học tập và nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

- Định mức đảm bảo đủ lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương được xác định như sau: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở: đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương tối đa 86%, chi khác tối thiểu 14%.

Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí cho Phòng Văn hóa Xã hội cấp xã từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn, mức phân bổ 45 triệu đồng/trường/đơn vị cấp xã/năm.

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chế độ phụ cấp cho Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã theo Quyết định của UBND tỉnh. Đồng thời, hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã:

+ Xã thuộc khu vực I: 70 triệu đồng/ đơn vị cấp xã/năm.

+ Xã thuộc khu vực II, III: 80 triệu đồng/ đơn vị cấp xã/năm.

Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục tại cấp tỉnh, cấp xã nêu trên, ngân sách dành ra khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác của ngành giáo dục. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho từng đơn vị. Các nội dung không trong định mức phân bổ, thực hiện giao trong dự toán hàng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền như: chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ kinh phí miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách khác theo quy định hiện hành. Tổng kinh phí phân bổ vốn sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2025-2026: 10.257.299 triệu đồng (Năm 2025: 4.428.080 triệu đồng (trong đó cấp tỉnh 1.263.335 trđ, cấp huyện 3.164.745 trđ); Năm 2026: 5.829.219 triệu đồng (trong đó cấp tỉnh 1.158.273 trđ, cấp xã 4.670.946 trđ)).

b) Chi đầu tư phát triển:

Kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2027 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và các chiến lược, quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn, xác định mục tiêu tổng quát và 31 chỉ tiêu chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, trong đó mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) theo giá so sánh bình quân từ 10-11%/năm.

Ưu tiên bố trí vốn cho các nhiệm vụ đầu tư trọng điểm của ngành, gồm: kiên cố hóa trường, lớp học; phát triển cơ sở giáo dục tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành, đổi mới sáng tạo; các dự án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo các chương trình, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối ứng 04 công trình giai đoạn 1 và 7 Công trình Trường TH&THCS liên cấp tại các xã biên giới là 374.921 triệu đồng; Nâng cấp, cải tạo các Trường THPT trên địa bàn tỉnh là 215.214 triệu đồng; Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc, Nâng cấp, mở rộng trường THPT Lộc Bình: 32.630 triệu đồng; Xây dựng mới Trường THPT Cai Kinh: 35.970 triệu đồng; Cải tạo, mở rộng trường cao đẳng Lạng Sơn: 159.923 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh: 100.000 triệu đồng.

c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục

Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời xác định nhu cầu nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành và báo cáo theo các biểu mẫu, phụ lục kèm theo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và đăng ký dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 và năm 2026, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026: 12.145 triệu đồng, trong đó năm 2026 là 2.145 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 là 4.726.540 triệu đồng, trong đó năm 2026 là 47.710 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026: 1.033.360 triệu đồng, trong đó năm 2026 là: 218.207 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 là 13.340 triệu đồng, trong đó năm 2026 là 3.000 triệu đồng.

2.2. Lập Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2027-2029

(Chi tiết tại các Phụ lục và Biểu mẫu kèm theo).

3. Kiến nghị và đề xuất

UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, xem xét:

- Tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn kinh phí xây dựng trường, lớp học và đảm bảo thiết bị dạy học thực hiện chương trình GDPT và sách giáo khoa mới; hỗ trợ giáo dục dân tộc; củng cố và phát triển hệ thống các trường nội trú, bán trú, các chuwong trình mục tiêu quốc gia lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng chung trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý.

- Để việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, định kỳ hằng năm vào khoảng thời gian đầu quý II, Bộ nghiên cứu xem xét ban hành văn bản hướng dẫn địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN hằng năm, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp để địa phương có thời gian triển khai đến cơ sở và có thời gian rà soát, thẩm định lại các chỉ tiêu số liệu báo cáo từ cơ sở đảm bảo chất lượng. Đồng thời quan tâm kịp thời hơn nữa đối với việc phúc đáp, hướng dẫn các địa phương những vấn đề khó khăn, vướng mắc của địa phương khi tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, chế độ của ngành.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, TC, NV;
- UBND các xã, phường;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TT TT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhàn